

Số: /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới; sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-BNNMT ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 102/TTr-SNNMT ngày 29 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới; sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Đồng Nai, cụ thể:

- Ban hành mới: 01 thủ tục hành chính cấp tỉnh.

2. Sửa đổi, bổ sung, thay thế: 13 thủ tục hành chính cấp tỉnh có tên và mã thủ tục tương ứng được công bố tại Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai) về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

(Danh mục thủ tục hành chính chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

- Thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này được thực hiện theo thời gian có hiệu lực thi hành của Quyết định số 1877/QĐ-BNNMT ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

- Các nội dung khác tại Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2026 vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị; phối hợp với đơn vị liên quan rà soát, đảm bảo thực hiện đúng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được cơ quan có thẩm quyền công bố; triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức theo quy định tại Quyết định này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường cập nhật công khai danh mục và nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính theo quy định.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này và phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện cấu hình, cập nhật quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Lưu: VT, KTN, HCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hoàng

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI; SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ
TRONG LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH BAN HÀNH MỚI

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	DVC Trục tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	1.014294	Chấp thuận nội dung đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia	13 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (thời hạn giải quyết không tính thời gian lấy ý kiến)	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Một phần	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Cơ quan thẩm định hồ sơ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15) - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15) - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1877/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	1.014262	Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ - Thời hạn thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc) - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết 	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường 	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15) - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15) - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường 	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1877/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2	1.014263	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc) - Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết 	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> Mức thu lệ phí áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể: - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hecta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15) - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15) - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính 	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1877/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
3	1.014264	Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản	<p>* Trường hợp thay đổi tên tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. <p>* Trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. 	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường 	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15) - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15) - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường 	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1877/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
4	1.014268	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết 	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường 	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15) - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15) - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường 	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1877/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
5	1.014271	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	<p>* Trường hợp chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản đất hiếm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt (không tính thời gian lấy ý kiến Thủ tướng Chính phủ); - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. <p>* Trường hợp chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản nhóm I (trừ khoáng sản đất hiếm), nhóm II, nhóm III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; 	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Một phần	<p>Người có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>- Cơ quan thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường.</p>	<p>Mức thu lệ phí áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hecta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15) - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15) - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1877/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. 					05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
6	1.014273	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 19 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp đề án thăm dò cần chỉnh sửa, bổ sung thì thời hạn giải quyết tăng thêm 05 ngày làm việc) không tính thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; - Thời hạn xem xét, chấp thuận và trả kết quả: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt. 	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường 	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15) - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15) - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1877/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						trường		193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
7	1.014274	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 50 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc) - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết 	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường 	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15) - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15) - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường 	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1877/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
8	1.014276	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ - Thời hạn thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 50 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc) - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết 	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Cơ quan thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường 	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15) - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15) - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) 	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1877/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường 	
9	1.014277	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 16 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 08 ngày làm việc) - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường 	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15) - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15) - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1877/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết					<p>02/7/2025 của Chính phủ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
10	1.014278	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản	<p>* Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi tổ chức, cá nhân hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc theo đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được phê duyệt hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận:</p> <p>- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ;</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 40 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 12 ngày làm việc);</p> <p>- Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt;</p> <p>- Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.</p> <p>* Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng</p>	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Một phần	<p>- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;</p> <p>- Cơ quan thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường</p>	Không quy định	<p>- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15)</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15)</p> <p>- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ</p> <p>- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ</p> <p>- Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường</p> <p>- Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường</p> <p>- Thông tư số 04/2016/TT-BKHCN</p>	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1877/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p><i>sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản chấm dứt hiệu lực nhưng chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. <p><i>* Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản nhóm IV:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn tiếp nhận, thẩm định hồ sơ: Không quy định. - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. 					ngày 04/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (trước đây)	
11	1.014291	Bổ sung khối lượng	12 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện	Toàn trình	- Người có thẩm quyền quyết	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15) - Luật sửa đổi, bổ sung	Nội dung TTHC thực hiện theo

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn		hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến		<i>định:</i> Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; <i>- Cơ quan thẩm định hồ sơ:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường		một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15) - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 1877/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
12	1.014292	Chấp thuận thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm	- Thời hạn tiếp nhận, thẩm định hồ sơ: 32 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của tổ chức, cá nhân - Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Một phần	<i>- Người có thẩm quyền quyết định:</i> Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; <i>- Cơ quan thẩm định</i>	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15) - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15) - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1877/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản				hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường		21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
13	1.014789	Chấp thuận thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản	24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản theo quy định	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Một phần	<p>- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;</p> <p>- Cơ quan thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường</p>	Không quy định	<p>- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15)</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15)</p> <p>- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ</p> <p>- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ</p> <p>- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường</p> <p>- Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường</p>	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1877/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường